

QUYẾT ĐỊNH

**V/v phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng
Công trình: Sửa chữa Đường giao thông đoạn từ Quốc lộ 28 đi vào đập Đắk Rel
(đập Hải Thân), xã Quảng Sơn.**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK GLONG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23/6/2023;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ ban hành quy chế quản lý, điều hành thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ, quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Quyết định số 28/2022/QĐ-UBND ngày 03/8/2022 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc phân công, phân cấp thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế kỹ thuật và thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở đối với dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn đầu tư công trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;

Căn cứ Quyết định số 33/2022/QĐ-UBND ngày 29/9/2022 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc Ban hành quy định về phân cấp quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;

Căn cứ Quyết định số 1080/QĐ-UBND ngày 30/6/2022 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc giao mục tiêu, nhiệm vụ và kế hoạch vốn đầu tư phát triển thực hiện 03 Chương trình MTQG giai đoạn 2021 – 2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;

Căn cứ Quyết định số 2184/QĐ-UBND ngày 22/12/2022 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc điều chỉnh khoản 1 mục II Điều 1 Quyết định số 1080/QĐ-UBND ngày 30/6/2022 của UBND tỉnh về việc giao mục tiêu, nhiệm vụ và kế hoạch vốn đầu tư phát triển thực hiện 03 Chương trình MTQG giai đoạn 2021 – 2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 08/4/2025 của Hội đồng nhân dân huyện Đắk Glong về việc điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 và dự toán ngân sách nhà nước chưa giải ngân hết trong năm 2022, 2023, 2024 được chuyển sang năm 2025 thực hiện thí điểm cơ chế phân cấp trong quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2025 trên địa bàn huyện Đắk Glong;

Căn cứ Quyết định số 1040/QĐ-UBND ngày 14/4/2025 của UBND huyện Đắk Glong về việc điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 và dự toán ngân sách nhà nước chưa giải ngân hết trong năm 2022, 2023, 2024 được chuyển sang năm 2025 thực hiện thí điểm cơ chế phân cấp trong quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2025 trên địa bàn huyện Đắk Glong;

Xét đề nghị của phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị huyện Đắk Glong tại Kết quả thẩm định số 62/KQTD-KTHT&ĐT ngày 09/5/2025 về thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Sửa chữa Đường giao thông đoạn từ Quốc lộ 28 đi vào đập Đắk Rel (đập Hải Thân), xã Quảng Sơn.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình với các nội dung chính sau:

1. Tên công trình: Sửa chữa Đường giao thông đoạn từ Quốc lộ 28 đi vào đập Đắk Rel (đập Hải Thân), xã Quảng Sơn.

2. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND huyện Đắk Glong.

3. Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân xã Quảng Sơn.

4. Điều kiện năng lực của tổ chức tư vấn và các chủ nhiệm, chủ trì:

4.1. Hồ sơ năng lực của Nhà thầu khảo sát, lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật: Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương Mại Sông Lam.

- Giấy phép đăng ký kinh doanh số: 6400413348, Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Nông đăng ký lần đầu ngày 29/10/2019. Đăng ký thay đổi lần 2 ngày 18/05/2021.

- Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng số DAN-00038736, ban hành kèm theo Quyết định số 91/QĐ-SXD ngày 09/06/2021 của Sở Xây dựng tỉnh Đắk Nông, có giá trị đến hết ngày 13/4/2030

- Chủ trì Khảo sát, dự toán: Nguyễn Đình Toàn, chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng số DAN-00009807 ban hành kèm theo Quyết định số 90/QĐ-SXD ngày 26/7/2023 của Sở Xây dựng tỉnh Đắk Nông cấp, có thời hạn đến ngày 26/7/2028 (*Khảo sát địa hình, hạng III; Định giá xây dựng, hạng III*);

- Chủ trì thiết kế: Hồ Huy Tịnh, chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng số DAN-00035571 ban hành kèm theo Quyết định số 167/QĐ-SXD ngày 13/08/2024 của Sở Xây dựng tỉnh Đắk Nông cấp, có thời hạn đến ngày 13/08/2029 (*Thiết kế kết cấu công trình Giao thông đường bộ, Hạng II*);

4.2. Hồ sơ năng lực của Nhà thầu thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình: Công ty TNHH T&T 48.

- Giấy phép đăng ký kinh doanh số: 6400438938, Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Nông đăng ký lần đầu, ngày 25/10/2021.

- Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng số DAN-00059113, ban hành kèm theo Quyết định số 215/QĐ-SXD ngày 25/11/2021 của Sở Xây dựng tỉnh Đắk Nông, có giá trị đến hết ngày 25/11/2031.

- Chủ trì thẩm tra dự toán: Lê Văn Hồng, chứng chỉ hành nghề số THX-00169253 ban hành kèm theo Quyết định số 1438/QĐ-THXDVN ngày 12/7/2023 của Tổng hội Xây dựng Việt Nam cấp, có thời hạn đến ngày 12/7/2028 (*Thiết kế và giám sát xây dựng hạng II, Quản lý dự án và định giá xây dựng hạng III*);

- Chủ trì thẩm tra bản vẽ thiết kế: Lê Văn Hồng, chứng chỉ hành nghề số THX-00169253 ban hành kèm theo Quyết định số 1438/QĐ-THXDVN ngày 12/7/2023 của Tổng hội Xây dựng Việt Nam cấp, có thời hạn đến ngày 12/7/2028 (*Thiết kế và giám sát xây dựng hạng II, Quản lý dự án và định giá xây dựng hạng III*);

5. Mục tiêu đầu tư xây dựng: Đáp ứng nhu cầu đi lại, giao thương của người dân, tạo điều kiện thuận lợi trong sản xuất.

6. Nhóm dự án: Nhóm C

7. Quy mô đầu tư xây dựng:

- Cấp thiết kế: Đường giao thông nông thôn cấp B;

- Tốc độ thiết kế: $V_{tk}=15$ Km/h;

- Tổng chiều dài tuyến: $L_{tuyến} = 1.474,11$ m;

- Bề rộng nền đường: $B_{nền} = 4,0$ m;

- Bề rộng mặt đường: $B_{mặt} = 3,0$ m;

- Bề rộng lề đường: $B_{lề} = 0,5 \times 2$ bên = 1,0m;

- Tải trọng trục tính toán tiêu chuẩn: 2,5T.

8. Địa điểm xây dựng: Xã Quảng Sơn, huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông.

9. Loại, cấp công trình:

9.1. Loại công trình: Công trình giao thông đường bộ.

9.2. Cấp công trình: Cấp IV.

9.3. Hình thức đầu tư: Đầu tư sửa chữa trên đường hiện trạng.

10. Phương án xây dựng (thiết kế cơ sở): Thiết kế 01 bước (*lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật*).

11. Nội dung và giải pháp thiết kế chủ yếu:

- Trên cơ sở tuyến đường hiện trạng, nhu cầu đi lại của người dân, báo cáo khảo sát đã được nghiệm thu và biên bản nghiệm thu hồ sơ lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình trên, tiến hành thiết kế với các nội dung chủ yếu như sau:

11.1. Bình đồ: Bình đồ tuyến bám theo tim đường hiện trạng.

11.2. Trắc dọc: Bám sát theo tuyến đường hiện có.

11.3. Trắc ngang:

- Bề rộng nền đường: $B_{\text{nền}} = 4,0\text{m}$;

- Bề rộng mặt đường: $B_{\text{mặt}} = 3,0\text{m}$;

- Bề rộng lề đường: $B_{\text{lề}} = 0,5 \times 2 \text{ bên} = 1,0\text{m}$;

- Dốc ngang hai mái mặt đường: Bám sát theo tuyến đường hiện có;

- Độ dốc ngang hai mái lề đường: Bám sát theo tuyến đường hiện có.

11.4. Nền đường: Tận dụng lại kết cấu áo đường hiện trạng làm lớp móng lớp dưới cho kết cấu áo đường thiết kế mới.

11.5. Kết cấu áo đường: Kết cấu áo đường từ trên xuống

- Kết cấu áo đường đoạn tận dụng lại mặt đường bê tông xi măng cũ bị hư hỏng:

+ Mặt đường BTXM đá 1x2 M250 chiều dày 16cm.

+ Bù vênh mặt đường bê tông xi măng đá 1x2 M250.

+ Giấy dầu cách li.

+ Mặt đường bê tông xi măng cũ vệ sinh sạch sẽ.

11.6. Kết cấu lề đường:

- Đắp lề đường bằng CPTN dày 16cm độ chặt $K_{yc}=0,95$.

- Bạt lề, dọn cỏ.

11.7. Hệ thống thoát nước: Tận dụng lại hệ thống rãnh thoát nước dọc còn tốt. Đào khơi thông rãnh thoát nước bằng máy đào đối với các đoạn rãnh bị đất vùi lấp, tiết diện rãnh hình thang sâu 0,4m tính từ vai nền đường hoàn thiện, đáy rộng 0,4m; mái dốc taluy trong 1/1, mái dốc taluy ngoài 1/1.

11.8. Hệ thống an toàn giao thông: Tận dụng lại hệ thống an toàn giao thông.

12. Phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư: Công trình thi công trên phạm vi đường hiện hữu, không phải GPMB.

13. Tổng mức đầu tư: 2.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai tỷ đồng).

Trong đó:

DVT: Đồng

| | |
|--------------------------------|---------------|
| Chi phí xây dựng | 1.677.941.506 |
| Chi phí QLDA | 50.740.951 |
| Chi phí Tư vấn đầu tư xây dựng | 220.400.874 |
| Chi phí khác | 15.338.553 |
| Chi phí dự phòng | 35.578.116 |

14. Nguồn vốn đầu tư: Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

15. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư thuê đơn vị quản lý, điều hành dự án.

16. Thời gian thực hiện: Năm 2025 (Không vượt quá 03 năm kể từ khi dự án được cấp có thẩm quyền bố trí kế hoạch vốn).

Điều 2. Ủy ban nhân dân xã Quảng Sơn là Chủ đầu tư có trách nhiệm thực hiện các nội dung ghi tại Điều 1 của Quyết định này. Tổ chức thực hiện quản lý đầu tư xây dựng công trình theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; Trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị; Trưởng phòng Tài chính – Kế hoạch; Trưởng phòng giao dịch số 28 – Kho bạc Nhà nước khu vực XIV; Chủ tịch UBND xã Quảng Sơn và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- UBMTTQ Việt Nam huyện;
- Ban TG và DV Huyện ủy;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đoàn Văn Phương

BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN XÂY DỰNG

CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA ĐƯỜNG GIAO THÔNG ĐOẠN TỪ QUỐC LỘ 28 ĐI VÀO ĐẬP ĐẮK REL
(ĐẬP HẢI THÂN), XÃ QUẢNG SƠN

(Kèm theo QĐ số /QĐ-UBND ngày /5/2025 của Chủ tịch UBND huyện Đắk Glong)

Đơn vị tính: Đồng

| TT | KHOẢN MỤC CHI PHÍ | CÁCH TÍNH | Giá trị trước thuế | Thuế GTGT (VAT) | Giá trị sau thuế | Ký hiệu |
|-----|--|--|--------------------|-----------------|------------------|---------|
| 1 | CHI PHÍ XÂY DỰNG | Bảng tổng hợp CPXD | 1.553.649.543 | 124.291.963 | 1.677.941.506 | Gxd |
| 2 | CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN (Thông tư số 12/2021/TT-BXD, ngày 31/08/2021) | Gxd x 3,024% | 46.982.362 | 3.758.589 | 50.740.951 | Gqlda |
| 3 | CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG (GTV) | (3.1 + + 3.n) | 204.074.884 | 16.325.991 | 220.400.874 | Gtv |
| 3.1 | Chi phí khảo sát địa hình | Theo Dự toán khảo sát | 62.792.750 | 5.023.420 | 67.816.170 | Gtv1 |
| 3.2 | Chi phí lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật | Gxd x 4,899% | 76.113.291 | 6.089.063 | 82.202.354 | Gtv2 |
| 3.3 | Chi phí thẩm tra thiết kế xây dựng (Thông tư số 12/2021/TT-BXD, ngày 31/08/2021) | Gxd x 0,170% | 2.641.204 | 211.296 | 2.852.501 | Gtv3 |
| 3.4 | Chi phí thẩm tra dự toán xây dựng (Thông tư số 12/2021/TT-BXD, ngày 31/08/2021) | Gxd x 0,166% | 2.579.058 | 206.325 | 2.785.383 | Gtv4 |
| 3.5 | Chi phí lập HSMT gói thầu thi công xây dựng (Nghị định 24/2024/NĐ-CP) | Gxd x 0,2% (tối thiểu 3.000.000 đồng) | 2.777.778 | 222.222 | 3.000.000 | Gtv5 |
| 3.6 | Chi phí đánh giá HSMT gói thầu thi công xây dựng (Nghị định 24/2024/NĐ-CP) | Gxd x 0,2% (tối thiểu 3.000.000 đồng) | 2.777.778 | 222.222 | 3.000.000 | Gtv6 |
| 3.7 | Chi phí thẩm định HSMT thi công xây dựng (Nghị định 24/2024/NĐ-CP) | Gxd x 0,1% (tối thiểu 2.000.000 đồng) | 1.851.852 | 148.148 | 2.000.000 | Gtv7 |
| 3.8 | Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu thi công xây dựng công trình (Nghị định 24/2024/NĐ-CP) | Gxd x 0,1% (tối thiểu 3.000.000 đồng) | 2.777.778 | 222.222 | 3.000.000 | Gtv8 |

| | | | | | | |
|-----------------------------------|--|---|----------------------|--------------------|----------------------|--------------|
| 3.9 | Chi phí giám sát thi công xây dựng (Thông tư số 12/2021/TT-BXD, ngày 31/08/2021) | $Gxd \times 3,203\%$ | 49.763.395 | 3.981.072 | 53.744.466 | Gtv9 |
| 4 | CHI PHÍ KHÁC | (4.1 + + 4.n) | 15.027.823 | 310.730 | 15.338.553 | Gk |
| 4.1 | Chi phí bảo hiểm công trình (Thông tư 50/2022/TT-BTC) | $Gxd \times 0,25\%$ | 3.884.124 | 310.730 | 4.194.854 | Gk1 |
| 4.2 | Chi phí thẩm định BCKTKT (Thông tư 28/2023/TT-BTC) | $TMĐT \times 0,019\% \times 50\%$ (tối thiểu 500.000 đồng) | 500.000 | | 500.000 | Gk2 |
| 4.3 | Chi phí nộp hồ sơ mời thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia | TT | 330.000 | | 330.000 | Gk3 |
| 4.4 | Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư (Nghị định 99/2021/NĐ-CP) | $(Gxd + Gqlda + Gtv + Gk1 + Gk2 + Gk3) \times 0,57\%$ | 10.313.699 | | 10.313.699 | Gk4 |
| 5 | CHI PHÍ DỰ PHÒNG | | 32.942.700 | 2.635.416 | 35.578.116 | Gdp |
| | TỔNG CỘNG: | (1+...+5) | 1.852.677.312 | 147.322.689 | 2.000.000.000 | Gxdct |
| (Bằng chữ: Hai tỷ đồng./.) | | | | | | |